

ĐỀ THI TIẾNG VIỆT LỚP 3 HỌC KỲ 1

ĐỀ SỐ 1

A. KIỂM TRA ĐỌC:

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm) Có đề kèm theo.

II. Đọc thầm và làm bài tập: (5 điểm)

BÀI ĐỌC: CHUYỆN CỦA LOÀI KIẾN

Xưa kia, loài kiến chưa sống thành đàn. Mỗi con ở lẻ một mình, tự đi kiếm ăn. Thấy kiến bé nhỏ, các loài thú thường bắt nạt.

Bởi vậy, loài kiến chết dần chết mòn.

Một con kiến đỏ thấy giống nòi mình sắp diệt, nó bò đi khắp nơi, tìm những con kiến còn sót, bảo:

- Loài kiến ta sức yếu, về ở chung, đoàn kết lại sẽ có sức mạnh.

Nghe kiến đỏ nói phải, kiến ở lẻ bò theo. Đến một bụi cây lớn, kiến đỏ lại bảo:

- Loài ta nhỏ bé, ở trên cây bị chim tha, ở mặt đất bị voi chà. Ta phải đào hang ở dưới đất mới được.

Cả đàn nghe theo, cùng chung sức đào hang. Con khoét đất, con tha đất đi bỏ. Được ở hang rồi, kiến đỏ lại bảo đi tha hạt cây, hạt cỏ về hang để dành, khi mưa khi nắng đều có cái ăn.

Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.

Theo TRUYỆN CỔ DÂN TỘC CHĂM

Đọc thầm bài đọc trên và làm bài tập.

Câu 1: Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

a) Ngày xưa, loài kiến sống như thế nào?

A. Sống lẻ một mình. B. Sống theo đàn. C. Sống theo nhóm.

b) Kiến đỏ bảo những kiến khác làm gì?

A. Về ở chung, đào hang, kiếm ăn từng ngày.

B. Về ở chung, sống trên cây, dự trữ thức ăn.

C. Về ở chung, đào hang, dự trữ thức ăn.

c) Vì sao họ hàng nhà kiến không để ai bắt nạt? A.

Vì họ hàng nhà kiến biết đoàn kết lại.

B. Vì họ hàng nhà kiến cần cù lao động.

C. Vì họ hàng nhà kiến sống hiền lành, chăm chỉ.

d) Câu nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

A. Người đi rất đông.

B. Đàn kiến đông đúc.

C. Người đông như kiến

Câu 2. Gạch chân dưới các từ chỉ đặc điểm trong câu văn sau:

Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.

Câu 3. Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi vào cuối mỗi câu sau cho thích hợp:

a) Ông tôi rất thích đọc báo

b) Bạn An đã có nhiều cố gắng trong học tập

c) Bao giờ lớp mình kiểm tra học kỳ

d) Huy có thích học đàn không

Câu 4: Tìm và ghi lại một câu theo mẫu “Ai thế nào?” trong bài.

B. KIỂM TRA VIẾT:

I. Chính tả: (5 điểm) Nhà rồng ở Tây Nguyên (Tiếng Việt 3- tập 1- trang 63)

II. (Giáo viên đọc cho học sinh viết từ “*Gian đầu nhà rồng ... dùng khi cúng tế.*”)

II. Tập làm văn (5 điểm)

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn để kể về quê hương em.

ĐỀ SỐ 2
PHẦN ĐỌC (40 PHÚT)

1/ Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập:

Dựa vào nội dung bài tập đọc: "Người liên lạc nhỏ" (sách Tiếng Việt 3, tập 1, trang 112 và 113)

Hãy khoanh trước ý trả lời đúng nhất và thực hiện các câu hỏi theo yêu cầu:

Câu 1: Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ gì?

- A. Đưa thầy mo về cúng cho mẹ ốm.
- B. Bảo vệ cán bộ, dẫn đường đưa cán bộ đến địa điểm mới.
- C. Dẫn đường đưa cán bộ đến gặp giặc Tây.

Câu 2: Vì sao bác cán bộ phải đóng vai một ông già Nùng?

- A. Bác cán bộ thích cách ăn mặc của người Nùng.
- B. Bác cán bộ luôn yêu núi rừng Việt Bắc.
- C. Để dễ hòa đồng với mọi người, làm địch tưởng bác cán bộ là người địa phương.

Câu 3: Cách đi đường của hai bác cháu như thế nào?

.....
.....

Câu 4: Sự nhanh trí và dũng cảm của Kim Đồng đã giúp được hai bác cháu điều gì?

- A. Khiến bọn giặc vui mừng nên hai bác cháu đã thoát khỏi vòng vây của địch.
- B. Khiến bọn giặc không hề nghi ngờ nên để hai bác cháu đi qua.
- C. Khiến nơi ở của người Nùng luôn bị giặc tấn công.

Câu 5: Trong các câu dưới đây, câu nào có hình ảnh so sánh?

- A. Ông ké ngồi ngay xuống tảng đá, thản nhiên nhìn bọn lính.

B. Ông ké dừng lại, tránh sau lưng một tảng đá

C. Những tảng đá ven đường sáng hẳn lên như vui trong nắng sớm.

Câu 6: Đặt câu theo mẫu Ai thế nào? Để miêu tả một bông hoa trong vườn.

II/ Đọc thành tiếng:

Giáo viên cho học sinh bốc thăm, sau đó các em sẽ đọc thành tiếng (mỗi học sinh đọc một đoạn trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3, tập một khoảng: 1 phút 45 giây – 2 phút 00 giây) và trả lời câu hỏi do giáo viên chọn theo nội dung được quy định như sau:

Bài 1: "Cô giáo tí hon"; đọc đoạn: "Bé treo nón,...mớ tóc mai." (trang 17 và 18).

Bài 2: "Bài tập làm văn"; đọc đoạn: "Tôi cố nghĩ ...bài tập làm văn." (trang 46).

Bài 3: "Nhớ lại buổi đầu đi học"; đọc đoạn: "Hằng năm ,...hôm nay tôi đi học." (trang 51).

Thời gian kiểm tra:

*Đọc thêm, trả lời câu hỏi và bài tập trên giấy: 30 phút.

*Đọc thành tiếng: tùy theo tình hình từng lớp, giáo viên tổ chức cho các em kiểm tra và chấm ngay tại lớp.

PHẦN VIẾT (40 phút)

I/ Phần chính tả: (nghe – viết) bài: "Ông ngoại" Sách Tiếng việt 3, trang 34).

Viết đoạn từ: "Thành phố chữ cái đầu tiên."

II/ Phần Tập làm văn:

Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) kể những điều em biết về nông thôn (hoặc thành thị) theo gợi ý sau:

- + Nhờ đâu em biết (em biết khi đi chơi, khi xem ti vi, khi nghe kể)?
- + Cảnh vật, con người ở nông thôn (hoặc thành thị) có gì đáng yêu?
- + Điều gì làm em thích và đáng nhớ nhất?
- + Tình cảm của em về cảnh vật và con người ở nông thôn (hoặc thành thị)?